

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 198/QĐ-ĐHHD ngày 19/02/2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)*

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm Địa lí
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Geography Teacher Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140219
Khoa quản lý chương trình:	Ngữ văn và Khoa học Xã hội
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	127
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 127 tín chỉ;- Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none">- Giảng dạy môn Địa lí tại các trường THCS, THPT;- Làm chuyên viên ở các cơ sở giáo dục;- Làm chuyên viên ở các Viện nghiên cứu;- Giảng dạy Địa lí tại các trường Đại học sau khi học bổ sung kiến thức, học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	- Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước và ngoài nước
Chương trình đào tạo tham khảo:	<ul style="list-style-type: none">- Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Địa lí Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;- Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Địa lí

	Trường Đại học Thái Nguyên; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Địa lí Trường Đại học Hồng Đức; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Địa lí Trường Đại học Cần Thơ.
--	--

CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;
- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào trường Đại học Hải Dương;
- Quyết định số 471/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành quy chế về đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương.

1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Địa lí đào tạo được một nguồn nhân lực chất lượng cao: giảng dạy môn Địa lí tại các trường trung học; chuyên viên, phụ trách chuyên môn Địa lí tại các cơ sở giáo dục; cán bộ nghiên cứu khoa học Địa lí tại các viện, trung tâm giáo dục, cơ quan hành chính, văn hóa trong cả nước.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Sư phạm Địa lí có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức nền tảng khoa học xã hội, kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục và khoa học bộ môn; có năng lực tổ chức dạy học, giáo dục và phát triển chương trình môn học Địa lí ở trường phổ thông; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc để phục vụ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là khu vực đồng bằng sông Hồng, của tỉnh Hải Dương, đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Địa lí có khả năng:

PO1. Có kiến thức cơ bản và năng lực Địa lí chuyên sâu, vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy Địa lí.

PO2. Có kiến thức nền tảng, đầy đủ về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, về khoa học giáo dục, lí luận dạy học Địa lí.

PO3. Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học Địa lí và khoa học giáo dục.

PO4. Sử dụng thành thạo các kĩ năng dạy học Địa lí: lập kế hoạch dạy học bài Địa lí, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học Địa lí, kiểm tra đánh giá năng lực Địa lí của học sinh.

PO5. Có năng lực phát triển chương trình Địa lí, biên soạn tài liệu sách giáo khoa, tham khảo môn Địa lí, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hội nhập.

PO6. Có năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế - xã hội trên thế giới và Việt Nam.

PO7. Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học Địa lí và ngoại ngữ trong dạy học Địa lí.

PO8. Hoàn thiện một số năng lực khác như: năng lực giao tiếp; năng lực tự học; năng lực quản lí thời gian và tổ chức cuộc sống, thích ứng với những biến động của cuộc sống và xã hội; năng lực làm việc theo nhóm, hợp tác, chia sẻ.

PO9. Tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có ích cho cộng đồng.

PO10. Rèn luyện đạo đức, tác phong người giáo viên; yêu nghề, say mê nghiên cứu và có ý thức bảo vệ, gìn giữ, khai thác, sử dụng hiệu quả các giá trị của tự nhiên và do con người tạo ra.

PO11. Truyền tải và gìn giữ các giá trị của văn hóa truyền thống của Việt Nam và địa phương, phát huy các giá trị phù hợp với thời đại hội nhập, xây dựng các phẩm chất năng động, hội nhập của công dân toàn cầu.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Về chuẩn đầu ra

2.1.1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng được các kiến thức tâm lí học, giáo dục học, quản lí nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

PLO2: Vận dụng được kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm, kiến thức và kĩ năng Địa lí vào công tác dạy học môn học, giáo dục và nghiên cứu khoa học.

PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên môn toàn diện, cơ bản vào dạy học Địa lí và giáo dục và nghiên cứu.

PLO4: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế - xã hội trên thế giới, ở Việt Nam để phân tích, giải thích các hiện tượng Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế - xã hội trong thực tiễn.

PLO5: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Địa lí; khai thác hiệu quả nguồn học liệu, các phương tiện dạy học để thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học, giáo dục.

PLO6: Đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực người học, nhu cầu phát triển năng lực người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kĩ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp.

2.1.2. Về kĩ năng

PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin để tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lí học sinh.

PLO9: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

PLO10: Vận dụng được các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học Địa lí cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

PLO11: Vận dụng hiệu quả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn Địa lí ở trường phổ thông.

PLO12: Vận dụng sáng tạo tri thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

PLO13: Sử dụng linh hoạt kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp sư phạm trong dạy học Địa lí và trong cuộc sống.

2.1.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

PLO16: Có tư duy phản biện xã hội, tuyên truyền, lan tỏa những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh.

2.2. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp

Chức danh nghề nghiệp/ Môi trường làm việc	Giáo viên, nghiên cứu viên	Viên chức, cán bộ	Chuyên viên, quản lí	Giảng viên	Cán bộ hướng dẫn viên
Các cơ sở giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề	2	0	0	0	0
Các cơ quan truyền thông, các tạp chí, nhà xuất bản	0	2	1	0	0
Cơ quan quản lí giáo dục, cơ quan hành chính, viện nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực giáo dục	0	2	2	0	0
Các trung tâm, khí tượng thủy văn, địa chính, khoa học xã hội và nhân văn, viện nghiên cứu giáo dục	2	2	2	0	2
Trường Đại học, Cao đẳng	0	0	0	2	0
Cán bộ, nhân viên tại các bộ phận ở các trường học, các	1	1	1	0	1

cơ sở quản lý giáo dục, các cơ sở khác phù hợp với chuyên môn như du lịch, địa chính,...					
Cán bộ, nhân viên công tác chuyên môn trong các cơ quan với các vị trí như phân vùng - quy hoạch lãnh thổ, quản lý tài nguyên môi trường, đô thị hoá, các dự án dân số, phát triển nông thôn	1	1	1	0	1

Chú giải:

0	Không có vị trí việc làm tại môi trường làm việc tương ứng
1	Người học có thể làm được; người học sẽ làm được tốt hơn nếu tích lũy kinh nghiệm và học thêm (học bổ sung, học nâng cao trình độ)
2	Người học sẽ làm được ngay sau khi tốt nghiệp

2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học ngành Sư phạm Địa lí tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học các chuyên ngành: Địa lí tự nhiên, Địa lí học (kinh tế - xã hội), Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí, Du lịch, Văn hóa, Địa chất,... ở các cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

* MA TRẬN TÍCH HỢP MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Tích “X” vào các ô tương thích)

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo										
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
PLO1 (KT)	X	X									
PLO2 (KT)	X	X									
PLO3 (KT)	X	X									
PLO4 (KT)	X	X									
PLO5 (KT)	X	X									
PLO6 (KT)	X	X									
PLO7 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO8 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO9 (KN)			X	X	X	X	X	X			

PLO10 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO11 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO12 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO13 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO14 (MĐTC&TN))									X	X	X
PL015 (MĐTC&TN)									X	X	X
PL016 (MĐTC&TN)									X	X	X
Tổng	6	6	7	7	7	7	7	7	3	3	3

3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí trình độ đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương, đáp ứng được:

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên cho đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể là học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019.

4. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khoá: 127 tín chỉ

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 24 tín chỉ (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

- + Lí luận chính trị: 11 tín chỉ

- + Ngoại ngữ: 7 tín chỉ

- + Khoa học Tự nhiên: 2 tín chỉ

- + Khoa học Xã hội và Nhân văn: 4 tín chỉ

(Giáo dục thể chất: 4 tín chỉ; Giáo dục Quốc phòng - An ninh: 165 tiết)

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 103 tín chỉ

- + Cơ sở ngành: 27 tín chỉ
- + Chuyên ngành: 57 tín chỉ
- + Nghiệp vụ (thực hành, thực tập nghề nghiệp): 12 tín chỉ
- + Đồ án/Khoá luận tốt nghiệp/Học phần thay thế: 7 tín chỉ

5. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí, trình độ Đại học gồm 127 tín chỉ. Trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 24 tín chỉ, có tỉ lệ 18,9%; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 103 tín chỉ, có tỉ lệ 81,1%. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được cấu thành bởi nhóm kiến thức cơ sở ngành (27 tín chỉ, chiếm 26,2% toàn khối); nhóm kiến thức chuyên ngành (57 tín chỉ: 51 tín chỉ bắt buộc, 06 tín chỉ tự chọn; chiếm 55,3% toàn khối); nhóm nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm (12 tín chỉ; chiếm 11,7% toàn khối); nhóm khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (07 tín chỉ; chiếm 6,8% toàn khối).

Cụ thể như sau:

Khối kiến thức, tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)		24 tín chỉ
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		103 tín chỉ
2.1. Kiến thức cơ sở ngành		27 tín chỉ
	+ <i>Bắt buộc</i>	25 tín chỉ
	+ <i>Tự chọn</i>	02 tín chỉ
2.2. Kiến thức chuyên ngành		57 tín chỉ
	+ <i>Bắt buộc</i>	51 tín chỉ
	+ <i>Tự chọn</i>	06 tín chỉ
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm		12 tín chỉ
2.4. Khóa luận tốt nghiệp / học phần thay thế		7 tín chỉ
TỔNG SỐ		127 tín chỉ

5.2. Nội dung Chương trình đào tạo

5.2.1. Khung Chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
				Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành	Tự học	
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các môn GDTC và GDQP và AN)			24				
Lí luận chính trị			11				
1	POL001	Triết học Mác-Lênin	3	36	9	105	
2	POL002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	10	70	
3	POL003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	70	
4	POL004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	70	
5	POL005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10	70	
Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh							
6	PE006	Giáo dục thể chất 1	2	6	24	70	
7	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	24	70	
8	ME008- ME011	Giáo dục quốc phòng và An ninh	165t	77	88		
8.1	ME008	GDQP-AN1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		37	8		
8.2	ME009	GDQP-AN2: Công tác quốc phòng và an ninh		22	8		
8.3	ME010	GDQP-AN3: Quân sự chung		14	16		
8.4	ME011	GDQP-AN4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		4	56		
Ngoại ngữ			7				
9	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	15	105	

10	EN013	Tiếng Anh 2	4	40	20	140	
<i>Khoa học Tự nhiên</i>			2				
11	IT014	Tin học đại cương	2	15	15	70	
<i>Khoa học Xã hội - Nhân văn</i>			4				
12	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	9	70	
13	MAN016	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	21	9	70	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			103				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			27				
<i>Các học phần bắt buộc</i>			25				
14	PSE117	Tâm lí học	3	35	10	105	
15	PSE118	Giáo dục học	3	35	10	105	
16	GEO116	Bản đồ học	3	36	9	105	
17	GEO117	Địa chất học	3	36	9	105	
18	HIS118	Đại cương lịch sử thế giới và Việt Nam	3	36	9	105	
19	PSE127	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15	70	
20	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	24	6	70	
21	ENV159	Giáo dục môi trường	2	24	6	70	
22	LIN122	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	70	
23	HIS123	Lịch sử văn minh thế giới	2	18	12	70	
<i>Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)</i>			2				
24.1	AES324.1	Mĩ học đại cương	2	15	15	70	
24.2	PSE324.2	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	70	
2.2. Kiến thức chuyên ngành			57				
<i>Các học phần bắt buộc</i>			51				
25	GEO225	Địa lí tự nhiên đại cương 1 (Vũ trụ, Trái Đất, thạch quyển)	3	36	9	105	
26	GEO226	Địa lí tự nhiên đại cương 2 (Khí quyển,	3	36	9	105	

		thủy quyển)					
27	GEO227	Địa lí tự nhiên đại cương 3 (Thổ nhưỡng, sinh quyển và các quy luật Địa lí của Trái Đất)	3	36	9	105	
28	GEO228	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 1 (Phần khái quát, dân cư)	3	36	9	105	
29	GEO229	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 2 (Phần kinh tế)	3	33	12	105	
30	GEO230	Địa lí tự nhiên các châu lục 1 (Châu Âu, châu Phi, châu Mỹ)	3	36	9	105	
31	GEO231	Địa lí tự nhiên các châu lục 2 (Châu Nam Cực, châu Đại Dương, châu Á)	3	33	12	105	
32	GEO232	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1 (Phần khái quát)	3	36	9	105	
33	GEO233	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 (Phần khu vực)	2	24	6	70	
34	GEO234	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1 (Châu Phi, châu Mỹ)	2	24	6	70	
35	GEO235	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 2 (Châu Âu, châu Đại Dương)	3	33	12	105	
36	GEO236	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 3 (Châu Á)	2	24	6	70	
37	GEO237	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1 (Phần khái quát)	3	36	9	105	
38	GEO238	Địa lí kinh tế - xã hội	3	36	9	105	

		Việt Nam 2 (Phần vùng)					
39	GEO239	Lí luận dạy học Địa lí	3	27	18	105	
40	GEO240	Phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông	4	35	25	140	
41	GEO241	Thực địa Địa lí tự nhiên	2		30	70	
42	GEO242	Thực địa Địa lí kinh tế - xã hội	3		45	105	
Các học phần tự chọn			6				
<i>Tự chọn 1 (Chọn 1 trong các học phần)</i>			2				
43.1	GEO343.1	Biến đổi khí hậu toàn cầu	2	20	10	70	
43.2	GEO343.2	Địa lí địa phương	2	20	10	70	
<i>Tự chọn 2 (Chọn 1 trong các học phần)</i>			2				
44.1	TMT344.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lí	2	18	12	70	
44.2	TMT344.2	Hệ thống thông tin Địa lí	2	18	12	70	
<i>Tự chọn 3 (Chọn 1 trong các học phần)</i>			2				
45.1	GEO345.1	Địa lí du lịch Việt Nam	2	24	6	70	
45.2	GEO345.2	Địa lí Đông Nam Á	2	24	6	70	
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm			12				
46	TMT246	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	18	12	70	
47	TMT247	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	18	12	70	
48	TMT248	Thực tập sư phạm 1	2		100		
49	TMT249	Thực tập sư phạm 2	6		300		
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế			7				
Khóa luận tốt nghiệp			7				
50A		Khóa luận tốt nghiệp	7				
Học phần thay thế			7				
50B.1	GEO450B.1	Những vấn đề Địa lí toàn cầu	2	24	6	70	

50B.2	GEO450B.2	Phát triển chương trình Địa lí phổ thông	3	36	9	105	
50B.3	GEO450B.3	Dạy học Địa lí theo hướng tích hợp	2	24	6	70	
		Tổng cộng	127				

Ghi chú: Tổng số 127 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

5.2.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	Kiến thức						Kĩ năng							Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16
Triết học Mác - Lênin	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	0	0
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục thể chất 1	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục thể chất 2	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0

Tiếng Anh 1	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Anh 2	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	0
Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Quản lí HCNN và quản lí ngành GDĐT	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tâm lí học	0	3	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	0	2	1	0
Giáo dục học	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0
Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Giáo dục môi trường	1	1	3	3	3	1	1	0	0	2	2	1	2	1	2	2
Lịch sử văn minh thế giới	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Bản đồ học	1	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	1	3	3
ĐC LSTG & VN	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3	0	3	2
Mĩ học đại cương	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3	0	3	2
Giao tiếp sư phạm	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3	0	3	2
Tiếng Việt thực hành	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Địa chất học	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Phương pháp nghiên cứu khoa học	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
ĐLTN đại cương 1	0	1	3	3	3	1	2	2	1	3	3	3	3	1	3	2
ĐLTN đại cương 2	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
ĐLTN đại cương 3	0	1	3	3	3	1	2	2	1	3	3	3	3	1	3	2
ĐLKT-XH đại cương 1	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
ĐLKT-XH đại cương	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2

2																
ĐLTN các châu lục 1	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
ĐLTN các châu lục 2	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
ĐLTN Việt Nam 1	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
ĐLTN Việt Nam 2	0	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3	1	3	2
ĐLKT-XH thế giới 1	0	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3	1	3	2
ĐLKT-XH thế giới 2	0	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3	1	3	2
ĐLKT-XH thế giới 3	0	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3	1	3	2
ĐLKT-XH Việt Nam 1	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	2	3	2
ĐLKT-XH Việt Nam 2	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	2	3	2
Giáo dục môi trường	2	1	0	0	0	0	1	0	0	2	1	0	0	1	2	0
Lí luận dạy học Địa lí	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Phương pháp dạy học Địa lí	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thực địa Địa lí tự nhiên	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thực địa Địa lí kinh tế - xã hội	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Biến đổi khí hậu toàn cầu	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Địa lí địa phương	1	1	3	3	3	2	2	3	0	2	2	3	3	1	3	3
Ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lí	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Hệ thống thông tin Địa lí	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Địa lí du lịch Việt Nam	1	1	3	3	3	1	1	0	0	2	2	1	2	1	2	2

Địa lí Đông Nam Á	1	1	3	3	3	1	1	0	0	2	2	1	2	1	2	2
Nghiệp vụ sư phạm 1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Nghiệp vụ sư phạm 2	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thực tập sư phạm 1	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Thực tập sư phạm 2	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Khóa luận tốt nghiệp	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Những vấn đề Địa lí toàn cầu	0	1	3	2	3	1	2	2	0	2	3	2	3	0	3	1
Phát triển chương trình Địa lí phổ thông	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Dạy học Địa lí theo hướng tích hợp	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao.

(Các học phần trong chương trình đều tham gia đóng góp vào bảng ma trận CDR)

5.2.3. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí trình độ đại học thực hiện trong 04 năm với 08 học kì, trong đó học kì 1 với 18 tín chỉ, học kì 2 là 17 tín chỉ, học kì 3 với 18 tín chỉ, học kì 4 là 13 tín chỉ, học kì 5 với 17 tín chỉ, học kì 6 là 16 tín chỉ, học kì 7 với 15 tín chỉ, học kì 8 là 13 tín chỉ. Cụ thể như sau:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lên lớp		Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành		
Kì I			18	209	61	630	
Bắt buộc			18	209	61	630	
1	POL001	Triết học Mác - Lênin	3	36	9	105	
2	PE006	Giáo dục thể chất 1	2	6	24	70	
3	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	15	105	
4	PSE117	Tâm lí học	3	35	10	105	
5	GEO117	Địa chất học	3	36	9	105	
6	GEO225	Địa lí tự nhiên đại cương 1 (Vũ trụ, Trái Đất, thạch quyển)	3	36	9	105	
7	HIS118	Đại cương lịch sử thế giới và Việt Nam	3	36	9	105	
Kì II			17	182	73	595	
Bắt buộc			17	182	73	595	
1	POL002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	10	70	Triết học Mác - Lênin
2	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	24	70	Giáo dục thể chất 1
3	IT014	Tin học đại cương	2	15	15	70	
4	PSE127	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15	70	
5	GEO116	Bản đồ học	3	36	9	105	
6	GEO226	Địa lí tự nhiên đại cương 2 (Khí	3	36	9	105	Địa lí tự nhiên đại cương 1

		quyền, thủy quyền)					
7	GEO228	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 1 (phần khái quát chung)	3	36	9	105	
8	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	24	6	70	
Kì III			18	200	70	630	
Bắt buộc			18	200	70	630	
1	POL003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	70	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
2	EN013	Tiếng Anh 2	4	40	20	140	Tiếng Anh 1
3	PSE118	Giáo dục học	3	35	10	105	
4	GEO227	Địa lí tự nhiên đại cương 3 (thổ nhưỡng, sinh quyển và các quy luật Địa lí của Trái Đất)	3	36	9	105	Địa lí tự nhiên đại cương 2
5	GEO229	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 2 (phần kinh tế)	3	33	12	105	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 1
6	GEO230	Địa lí tự nhiên các châu lục 1 (châu Âu, châu Phi, châu Mỹ)	3	36	9	105	
Kì IV			13	122	73	595	
Bắt buộc			13	122	73	595	
1	POL004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	70	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	9	70	
3	ME008-ME011	Giáo dục quốc phòng và An ninh	165t	77	88		
3.1	ME008	GDQP-AN1:		37	8		

		Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam					
3.2	ME009	GDQP-AN2: Công tác quốc phòng và an ninh		22	8		
3.3	ME010	GDQP-AN3: Quân sự chung		14	16		
3.4	ME011	GDQP-AN4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		4	56		
4	ENV159	Giáo dục môi trường	2	24	6	70	
5	GEO231	Địa lí tự nhiên các châu lục 2 (châu Nam Cực, châu Đại Dương, châu Á)	3	33	12	105	Địa lí tự nhiên các châu lục 1
6	GEO234	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1 (châu Phi, châu Mỹ)	2	24	6	70	Địa lí tự nhiên các châu lục 1; Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 1, 2
7	GEO241	Thực địa Địa lí tự nhiên	2		30	70	Địa lí tự nhiên đại cương 1, 2, 3
Kì V			17	173	82	595	
Bắt buộc			15	158	67	525	
1	POL005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10	70	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2	GEO232	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1 (phần khái quát)	3	36	9	105	
3	GEO239	Lí luận dạy học	3	27	18	105	

		Địa lí					
4	GEO235	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 2 (châu Âu, châu Đại Dương)	3	33	12	105	Địa lí tự nhiên các châu lục 1, 2
5	GEO236	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 3 (châu Á)	2	24	6	70	Địa lí tự nhiên các châu lục 2
6	TMT246	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	18	12	70	Tâm lí học, Giáo dục học
Tự chọn			2	15	15	70	
7.1	AES324.1	Mĩ học đại cương	2	15	15	70	
7.2	PSE324.2	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	70	
Kì VI			16	115	195	490	
Bắt buộc			14	95	185	420	
1	GEO233	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 (phần khu vực)	2	24	6	70	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1 (Phần khái quát)
2	GEO237	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1 (phần khái quát)	3	36	9	105	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 1, 2
3	GEO240	Phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông	4	35	25	140	Lí luận dạy học Địa lí
4	GEO242	Thực địa Địa lí kinh tế - xã hội	3		45	105	Thực địa Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 1, 2
5	TMT248	Thực tập sư phạm 1	2		100		
Tự chọn 1			2	20	10	70	
6.1	GEO343.1	Biến đổi khí hậu toàn cầu	2	20	10	70	
6.2	GEO343.2	Địa lí địa phương	2	20	10	70	

Kì VII			15	147	78	525	
Bắt buộc			11	105	60	385	
1	MAN016	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	21	9	70	
2	HIS123	Lịch sử văn minh thế giới	2	18	12	70	
3	GEO238	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2 (phần vùng)	3	33	12	105	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1
4	LIN122.1	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	70	
5	TMT247	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	18	12	70	Lí luận dạy học Địa lí, Phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông
Tự chọn 2			2	18	12	70	
3.1	TMT344.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lí	2	18	12	70	
3.2	TMT344.2	Hệ thống thông tin Địa lí	2	18	12	70	
Tự chọn 3			2	24	6	70	
4.1	GEO345.1	Địa lí du lịch Việt Nam	2	24	6	70	
4.2	GEO345.2	Địa lí Đông Nam Á	2	24	6	70	
Kì VIII			13	109	391	245	
Bắt buộc			13	84	324	245	
1	TMT249	Thực tập sư phạm 2	6		300		
2.1		Khóa luận tốt nghiệp	7				

2.2		Thay thế khóa luận tốt nghiệp	7				
2.2.1	GEO450B.1	Những vấn đề Địa lí toàn cầu	2	24	6	70	Địa lí tự nhiên các châu lục 1, 2; Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 1, 2; Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1, 2, 3; Địa lí tự nhiên Việt Nam 1, 2; Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1, 2
2.2.2	GEO450B.2	Phát triển chương trình Địa lí phổ thông	3	36	9	105	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1, 2; Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1, 2
2.2.3	GEO450B.3	Dạy học Địa lí theo hướng tích hợp	2	24	6	70	Lí luận dạy học Địa lí, Phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông

5.2.4. Mô tả học phần

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kỹ năng phân

tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kì quá độ. Học phần bao gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải

phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 (2 tín chỉ)

Giáo dục thể chất 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình giáo dục thể chất của tất cả chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lí thuyết môn Thể dục, bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn thể dục, phương pháp tập luyện. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khoẻ hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn khác.

7. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (2 tín chỉ)

(Tự chọn 01 trong 07 học phần: Đá cầu, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Võ thuật Vovinam, Aerobic, Cầu lông)

Đá cầu

Học phần Đá cầu cung cấp các kiến thức cơ bản về môn Đá cầu. Đây là kiến thức nền tảng để giúp sinh viên tiếp thu các học phần giáp ranh và chuyên ngành thể dục thể thao; có sân chơi hoạt động đầy ý nghĩa, tạo sự kết tinh thần tập thể cao; có lối sống lành mạnh rời xa các tệ nạn xã hội.

Bóng chuyền

Học phần Bóng chuyền trang bị kiến thức về kĩ thuật, chiến thuật, kĩ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyền. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến

thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.

Bóng đá

Học phần Bóng đá cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn Bóng đá, những nguyên lí thực hiện kĩ thuật, luật Bóng đá. Học phần cũng trang bị các kĩ thuật động tác cơ bản, tổ chức hướng dẫn luyện tập môn Bóng đá.

Bóng rổ

Bóng rổ là môn thể thao tự chọn trong chương trình đào tạo giáo dục thể chất không chuyên có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng rổ và kĩ thuật cơ bản về di chuyển, chuyền và bắt bóng, dẫn bóng, tại chỗ ném rổ và hai bước lên rổ, một số điều luật phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng rổ.

Võ thuật Vovinam

Võ thuật Vovinam là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và đặc điểm của môn võ Vovinam; trang bị kiến thức về kĩ thuật, chiến thuật, luật thi đấu thực hành môn Võ thuật Vovinam. Ngoài ra còn có thể lấy học phần làm các bài tập bổ trợ cho các môn thể thao khác.

Aerobic

Học phần Aerobic là học phần tự chọn thuộc chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên đại học thuộc tất cả các chuyên ngành đào tạo. Nội dung học phần bao gồm: lí thuyết Aerobic, kĩ thuật cơ bản Aerobic, bài Aerobic. Học phần giúp sinh viên phát triển thể chất; giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể; rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các học phần khác.

Cầu lông

Cầu lông là học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kĩ năng cơ bản, giảng dạy các kĩ thuật, chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông. Ngoài ra, học phần còn thông qua quá trình tập luyện để rèn luyện ý thức tổ chức kỉ luật, tính tự giác tích cực; phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp động tác, tăng cường sức khỏe, tính linh hoạt bổ trợ cho công việc học tập và giúp sinh viên có thể tự tin tham gia các hoạt động khi nhà trường tổ chức giải thi đấu môn Cầu lông cho sinh viên.

8.1. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (45 tiết)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lí luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.

8.2. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2: Công tác quốc phòng và an ninh (30 tiết)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kĩ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

8.3. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3: Quân sự chung (30 tiết)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kĩ năng chiến thuật, kĩ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kĩ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lí các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

8.4. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 4: Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (60 tiết)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

9. TIẾNG ANH 1 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể

thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

10. TIẾNG ANH 2 (4 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

11. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

12. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ

bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam. Chương 6 là pháp luật về phòng chống tham nhũng.

13. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NN VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GDĐT (2 tín chỉ)

Học phần Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước (tính chất, nội dung, phương pháp, luật,...); quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo). Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, trong việc giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

14. TÂM LÝ HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về tâm lý: Bản chất, quá trình nảy sinh, quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý; mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý, chức năng vai trò của tâm lý đối với hoạt động của con người; giúp sinh viên hiểu bản chất và quy luật của sự phát triển con người trong quá trình phát triển cá thể, từ đó vận dụng vào công tác tham vấn, giáo dục học sinh ở phổ thông. Học phần còn trang bị cho người học những tri thức tâm lý về sự phát triển tâm lý, quy luật phát triển tâm lý ở con người và các đặc điểm tâm lý điển hình, đặc trưng ở các giai đoạn lứa tuổi nhằm mục đích mô tả một cách khái quát nhất chân dung tâm lý của con người ở từng giai đoạn lứa tuổi cũng như ứng dụng những tri thức đó để quá trình giáo dục, dạy học được tổ chức phù hợp với tâm lý lứa tuổi.

15. GIÁO DỤC HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội; chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Sinh viên hiểu được bản chất của quá trình dạy học. Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng các nguyên tắc dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học trong tổ chức quá trình dạy học. Học phần cung cấp cho người học hiểu biết bản chất của quá trình giáo dục nghĩa hẹp, động lực căn bản trong phát triển toàn diện nhân cách con người. Trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp giáo dục, sinh viên có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm. Từ đó góp phần hình thành phẩm chất yêu trẻ yêu nghề, thế giới quan khoa học, năng lực sư phạm như tổng hợp, phân tích tài liệu, thuyết trình, năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học...

16. BẢN ĐỒ HỌC (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên các khái niệm, nguyên tắc, cơ sở toán học, đặc điểm bản đồ và quy trình thành lập bản đồ đúng quy cách. Hơn nữa, qua học phần này sinh viên sẽ khai thác hiệu quả thông tin trên bản đồ và sử dụng bản đồ tốt hơn trong quá trình học tập hiện tại và giảng dạy sau này.

17. ĐỊA CHẤT HỌC (3 tín chỉ)

Học phần Địa chất đại cương cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo của Trái Đất, cấu tạo vỏ Trái Đất, các đặc tính nhận diện của tinh khoáng và đá, cũng như các dấu hiệu để nhận diện đá và tinh khoáng. Từ đó người học có thể phân biệt được tinh khoáng và đá; các loại tinh khoáng; các loại đá với nhau. Học phần này còn cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để có thể giải thích các hiện tượng trong tự nhiên có liên quan đến địa chất như: tác dụng của dòng nước chảy trên mặt; tác dụng của biển hay tác dụng của không khí đối với đá và tinh khoáng.

18. ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM (3 tín chỉ)

Đây là môn học tiên quyết đối với sinh viên khi nghiên cứu về lịch sử thế giới và Việt Nam nhằm cung cấp cho sinh viên bức tranh khái quát về Lịch sử thế giới và Việt Nam với những nét khái quát và cơ bản nhất. Học phần gồm 2 phần chính: Phần 1 về Đại cương lịch sử thế giới. Trong phần này, sinh viên được tìm hiểu đại cương lịch sử thế giới qua các thời kì: nguyên thủy, cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại; Phần 2 đại cương lịch sử Việt Nam, người học được tìm hiểu những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về quá trình, diễn biến của lịch sử dân tộc Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay trên hai phương diện cơ bản dựng nước và giữ nước và mối quan hệ của nó. Qua học phần, sinh viên có tiền đề để vận dụng, tích hợp trong giảng dạy bộ môn và nghiên cứu khoa học sau này.

19. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học, có kỹ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

20. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm bắt những đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại (tiền trình văn hóa Việt Nam, không gian văn hóa

Việt Nam); chỉ rõ loại hình văn hóa Việt Nam, các yếu tố cấu thành văn hóa Việt Nam và nội hàm của các yếu tố đó. Làm sáng tỏ văn hóa Việt Nam là tổng hòa các giá trị vật chất và tinh thần do các thế hệ người Việt Nam tạo nên trong quá trình tương tác với tự nhiên, xã hội và con người: Tác động đến tự nhiên như: ăn, ở, mặc...; Tác động đến xã hội như: phong tục tập quán, tôn giáo, triết học, đạo đức...; Tác động đến chính con người: các giá trị như Chân Thiện Mĩ. Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó giáo dục lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm của mỗi công dân đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

21. GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học môi trường, về dân số; thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; những vấn đề về ô nhiễm môi trường và sự phát triển bền vững; phân tích được mối quan hệ dân số - tài nguyên - môi trường để từ đó nhận thức được những nội dung về bảo vệ môi trường, cơ sở khoa học của việc bảo vệ môi trường. Đồng thời, người học còn vận dụng kiến thức về giáo dục môi trường trong giảng dạy bộ môn ở nhà trường phổ thông và giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tiễn liên quan đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên để hướng tới sự phát triển bền vững.

22. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về tiếng Việt (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản), những nguyên tắc sử dụng tiếng Việt, rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong khi nói và viết (kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng viết đoạn văn, kỹ năng viết câu trong văn bản, kỹ năng dùng từ, kỹ năng sử dụng chữ viết...).

23. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử phát sinh, phát triển của các nền văn minh lớn trong lịch sử nhân loại từ thời cổ, trung đến cận hiện đại với những nội dung cơ bản: các điều kiện cho sự hình thành và phát triển của các nền văn minh, những thành tựu chủ yếu, những điểm tương đồng và dị biệt giữa các nền văn minh.

24.1. MĨ HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần giúp người học hiểu rõ đối tượng nghiên cứu, ý nghĩa của Mĩ học; về mối quan hệ thẩm mĩ của con người đối với hiện thực; về các phạm trù của khách thể thẩm mĩ gồm cái Đẹp, cái Cao cả, cái Bi và cái Hài; về ý thức thẩm mĩ với các bộ phận hợp thành chủ yếu của nó gồm nhu cầu, cảm xúc, thị hiếu và lí tưởng thẩm mĩ; nghệ

thuật - hình thái cao nhất, biểu hiện tập trung nhất của mối quan hệ thâm mĩ; giáo dục thâm mĩ và các hình thức cơ bản của giáo dục thâm mĩ.

24.2. GIAO TIẾP SƯ PHẠM (2 tín chỉ)

Học phần Giao tiếp sư phạm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về người giáo viên phổ thông như: vai trò, vị trí, đặc trưng, tính chất, phẩm chất, đạo đức nghề, năng lực, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành rèn luyện những kỹ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt vai trò người giáo viên phổ thông như: kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng tổ chức và kết nối các lực lượng trong tổ chức các hoạt động cộng đồng, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm... Trên cơ sở đó, học phần góp phần bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên như: yêu trẻ, yêu nghề, linh hoạt, sáng tạo trong các tình huống giao tiếp sư phạm, trong xử lý tình huống sư phạm...

25. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN ĐẠI CƯƠNG 1 (3 tín chỉ)

Học phần Địa lí tự nhiên đại cương 1 gồm 2 chương. Ngoài phần mở đầu tìm hiểu về đối tượng, nhiệm vụ của môn Địa lí tự nhiên đại cương, người học được tìm hiểu những kiến thức cơ bản về Trái Đất (cấu tạo, hình dạng kích thước Trái Đất và những hệ quả của nó; vận động của Trái Đất và những hệ quả địa lí). Từ đó giải thích được các hiện tượng tự nhiên liên quan đến nội dung đã học. Về thạch quyển, người học được tìm hiểu các khái niệm cơ bản về địa hình, nguồn gốc và quá trình hình thành địa hình; các dạng địa hình cơ bản trên Trái Đất. Hơn nữa, qua học phần này sinh viên sẽ phát huy tư duy tổng hợp kiến thức địa lí tự nhiên, sử dụng kiến thức địa lí tự nhiên tốt hơn trong quá trình học tập hiện tại và giảng dạy sau này.

26. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN ĐẠI CƯƠNG 2 (3 tín chỉ)

Học phần Địa lí tự nhiên đại cương 2 gồm 2 chương: khí quyển và thủy quyển. Nội dung về khí quyển: thành phần và cấu trúc của khí quyển, bức xạ và nhiệt độ, khí áp, hoàn lưu khí quyển, nước trong khí quyển; các đới khí hậu trên Trái Đất bao gồm: các nhân tố hình thành khí hậu, các đới khí hậu. Kiến thức về thủy quyển gồm các nội dung: thành phần, đặc tính và đặc tính, phân bố nước trong lớp vỏ địa lí; về tuần hoàn nước; nước trong biển và đại dương: nguồn gốc, thành phần hóa học đặc điểm chế độ nhiệt trong biển và đại dương và các chuyển động trong biển và đại dương.

27. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN ĐẠI CƯƠNG 3 (3 tín chỉ)

Học phần Địa lí tự nhiên đại cương 3 gồm 3 chương. Học phần này trang bị cho người học các khái niệm, thành phần vật chất, đặc tính thổ nhưỡng, quy luật phân bố và một số vấn đề về sử dụng và bảo vệ đất. Đồng thời trang bị cho người học các khái niệm, thành phần vật chất, đặc tính của sinh quyển, quy luật phân bố và một số vấn đề

về sử dụng và bảo vệ tính đa dạng sinh học. Từ đó người học dễ dàng tìm hiểu lớp vỏ cảnh quan thông qua phân tích mối quan hệ các thành phần tự nhiên và tìm hiểu các quy luật địa lí chung của Trái Đất cũng như một số vấn đề về sử dụng hợp lí tự nhiên. Hơn nữa, qua học phần này sinh viên sẽ phát huy tư duy tổng hợp kiến thức địa lí tự nhiên, sử dụng kiến thức địa lí tự nhiên tốt hơn trong quá trình học tập hiện tại và giảng dạy sau này.

28. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẠI CƯƠNG 1 (3 tín chỉ)

Học phần Địa lí kinh tế - xã hội đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về Địa lí kinh tế - xã hội như đối tượng nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Học phần còn đề cập tới những vấn đề quan trọng như môi trường và tài nguyên thiên nhiên đối với sản xuất xã hội. Đặc biệt, học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về địa lí dân cư, một số vấn đề của Địa lí xã hội, tình hình phát triển kinh tế - xã hội thế giới hiện nay và vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế- kinh tế - xã hội Việt Nam.

29. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẠI CƯƠNG 2 (3 tín chỉ)

Học phần Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về địa lí kinh tế - xã hội như: cơ cấu nền kinh tế, các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống không gian nền kinh tế. Đặc biệt, học phần này còn giúp sinh viên hiểu các vấn đề chung về địa lí các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ (vai trò, đặc điểm sản xuất, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố, tổ chức lãnh thổ,...) các ngành kinh tế.

30. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN CÁC CHÂU LỤC 1 (3 tín chỉ)

Địa lí tự nhiên châu lục 1 là một môn học cơ bản và bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành sư phạm Địa lí. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về địa lí toàn cầu, điều kiện tự nhiên của các châu lục (châu Âu, Châu Phi, châu Mỹ) như: vị trí địa lí, hình dạng và giới hạn lãnh thổ, lịch sử phát triển địa chất, địa hình - khoáng sản, khí hậu, thủy văn và các đới cảnh quan. Đây là những kiến thức nền tảng giúp sinh viên có thể hiểu và giải thích được các vấn đề địa lí kinh tế - xã hội của các châu lục trên thế giới, đồng thời có thêm các kiến thức về địa lí tự nhiên để dạy học Địa lí ở bậc phổ thông.

31. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN CÁC CHÂU LỤC 2 (3 tín chỉ)

Địa lí tự nhiên châu lục 2 là một môn học cơ bản và bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Địa lí. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về địa lí toàn cầu, điều kiện tự nhiên của các châu lục (châu Nam Cực, châu Đại Dương, châu Á) như: vị trí địa lí, hình dạng và giới hạn lãnh thổ, lịch sử phát triển địa chất, địa hình

- khoáng sản, khí hậu, thủy văn và các đới cảnh quan. Đây là những kiến thức nền tảng giúp sinh viên có thể hiểu và giải thích được các vấn đề địa lí kinh tế - xã hội của các châu lục trên thế giới, đồng thời có thêm các kiến thức về Địa lí tự nhiên để dạy học Địa lí ở bậc phổ thông.

32. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM 1 (3 tín chỉ)

Học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam 1 (phần khái quát) gồm 3 chương. Học phần này giới thiệu một cách cơ bản về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ; đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam, lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam; các thành phần của tự nhiên Việt Nam; quy luật phân bố của chúng trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Qua đó người học có thể đánh giá tiềm năng và vai trò của điều kiện tự nhiên trong việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hơn nữa, qua học phần này sinh viên sẽ phát huy tư duy tổng hợp kiến thức địa lí tự nhiên, sử dụng kiến thức địa lí tự nhiên tốt hơn trong quá trình học tập hiện tại và giảng dạy, nghiên cứu sau này.

33. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM 2 (2 tín chỉ)

Học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 (phần khu vực) gồm 4 chương. Chương đầu tiên đề cập đến cơ sở lí luận về phân vùng địa lí tự nhiên Việt Nam: các quy luật phân hóa địa lí tự nhiên Việt Nam, nguyên tắc và phương pháp phân vùng địa lí tự nhiên, hệ thống các đơn vị phân vùng địa lí tự nhiên Việt Nam. Ba chương còn lại là nội dung tìm hiểu về đặc điểm địa lí tự nhiên cơ bản nhất của các miền, khu vực ở Việt Nam (miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ; miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ; miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ): đặc điểm chung và đặc điểm của các hợp phần địa lí tự nhiên như cấu trúc địa chất - địa hình và khoáng sản, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật, bảo vệ tài nguyên môi trường và phát triển bền vững. Qua học phần này sinh viên sẽ phát huy tư duy tổng hợp kiến thức địa lí tự nhiên, sử dụng kiến thức địa lí tự nhiên tốt hơn trong quá trình học tập hiện tại và giảng dạy, nghiên cứu sau này và vận dụng phân tích đặc điểm tự nhiên trong thực tiễn.

34. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI 1 (2 tín chỉ)

Địa lí kinh tế - xã hội các nước châu Phi, châu Mỹ là một bộ phận của Địa lí kinh tế - xã hội các châu lục. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm kinh tế - xã hội và tác động của các điều kiện đến sự phát triển của khu vực cũng như từng quốc gia; Đồng thời, cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về dân cư, xã hội, sự phát triển kinh tế của châu Phi, châu Đại Dương, lịch sử nghiên cứu, khám phá và đặc điểm kinh tế - xã hội nổi bật của châu Nam Cực, phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các châu lục này.

35. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI 2 (3 tín chỉ)

Địa lí kinh tế - xã hội các nước châu Âu, châu Đại Dương, châu Nam Cực là một bộ phận của Địa lí kinh tế xã hội. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm tự nhiên, đặc điểm kinh tế - xã hội và tác động của các điều kiện đến sự phát triển của khu vực cũng như từng quốc gia; Đồng thời, cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội, sự phát triển kinh tế của châu Phi, châu Đại Dương, lịch sử nghiên cứu, khám phá và đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Âu, châu Đại Dương và châu Nam Cực, phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các châu lục này.

36. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI 3 (2 tín chỉ)

Địa lí kinh tế - xã hội châu Á là một bộ phận của Địa lí kinh tế xã hội. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm tự nhiên, đặc điểm kinh tế - xã hội và tác động của các điều kiện đến sự phát triển của khu vực cũng như từng quốc gia; Đồng thời, cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội, sự phát triển kinh tế của Á, lịch sử nghiên cứu, khám phá và đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Á, phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các châu lục này.

37. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM 1 (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức quan trọng phục vụ cho việc giảng dạy môn Địa lí lớp ở trường phổ thông. Chương 1 trình bày các nguồn lực tự nhiên phục vụ cho việc phát triển kinh tế Việt Nam. Chương 2 đề cập đến những vấn đề về dân cư và lao động Việt Nam, trên cơ sở đó thấy được mối quan hệ giữa dân số và phát triển. Các chương từ chương 3 đến chương 5 lần lượt phân tích những vấn đề phát triển các ngành kinh tế ở nước ta bao gồm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Ở mỗi vấn đề sẽ đề cập tới vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng và thực trạng - định hướng phát triển của từng ngành. Qua học phần này sinh viên sẽ phát huy tư duy tổng hợp kiến thức địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế- xã hội tốt hơn trong quá trình học tập hiện tại, trong giảng dạy, nghiên cứu sau này và vận dụng đánh giá các nguồn lực tự nhiên và nguồn kinh tế - xã hội trong thực tiễn.

38. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM 2 (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức quan trọng phục vụ cho việc giảng dạy môn Địa lí lớp ở trường phổ thông. Ngoài chương 1 là quan niệm sự phân hóa lãnh thổ vùng kinh tế qua các giai đoạn lịch sử ở Việt Nam và hệ thống vùng qua các giai đoạn lịch sử. Từ chương 2 đến chương 8 người học được tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên, nhân văn của 7 vùng kinh tế - xã hội và 4 vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam; Từ đó đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của các yếu tố trên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng; Đồng thời phân tích được hiện trạng phát triển kinh tế

- xã hội của các vùng (các ngành kinh tế chủ yếu: công nghiệp, nông – lâm – ngư nghiệp...); bộ khung lãnh thổ của vùng (hệ thống đô thị, hệ thống giao thông...); định hướng phát triển vùng trong tương lai; giải thích được sự khác nhau về đặc trưng kinh tế - xã hội của 7 vùng kinh tế - xã hội. Qua học phần này sinh viên sẽ phát huy tư duy tổng hợp kiến thức địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế- xã hội tốt hơn trong quá trình học tập hiện tại, trong giảng dạy, nghiên cứu sau này và vận dụng đánh giá các nguồn lực tự nhiên và nguồn kinh tế - xã hội trong thực tiễn.

39. LÍ LUẬN DẠY HỌC ĐỊA LÍ (3 tín chỉ)

Lí luận dạy học Địa lí là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lí. Học phần đề cập đến những vấn đề chung của lí luận dạy học Địa lí: đặc trưng bộ môn, nguyên tắc, hệ thống cấu trúc năng lực Địa lí, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá môn Địa lí. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên hệ thống lí thuyết về dạy học phát triển năng lực; phương pháp dạy học Địa lí: phương pháp để dạy các kiểu bài lí thuyết; phương pháp dạy học các bài thực hành; phương pháp dạy học các bài ôn tập; phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực học tập của học sinh theo hướng tích cực hóa người học... Ngoài ra, học phần nâng cao kĩ năng thực hành, cung cấp kiến thức về thiết kế bài dạy và phương pháp dạy các bài cụ thể trong chương trình Địa lí ở trường trung học.

40. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG (4 tín chỉ)

Học phần đề cập đến những vấn đề chung của phương pháp Địa lí các khối lớp ở trường phổ thông; cung cấp những tri thức về địa lí tự nhiên đại cương, địa lí tự nhiên thế giới, Việt Nam, về địa lí kinh tế - xã hội (thế giới, Việt Nam); hướng dẫn sinh viên cách dạy các bài Địa lí ở từng khối lớp trong nhà trường phổ thông và một số kĩ thuật dạy học giúp học sinh dễ dàng chủ động lĩnh hội tri thức và rèn luyện các kĩ năng địa lí (đọc bản đồ, sử dụng Atlas địa lí, phân tích bảng số liệu, kĩ năng biểu đồ,...). Những vấn đề này sẽ là cơ sở để triển khai các phương pháp dạy học có tính đặc thù của dạy học Địa lí, góp phần nâng cao năng lực học tập môn Địa lí như: năng lực nhận thức khoa học Địa lí, năng lực tìm hiểu Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

41. THỰC ĐỊA ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN (2 tín chỉ)

Thực địa địa lí tự nhiên là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lí. Học phần đảm bảo cho việc dạy học "học đi đôi với hành", lí thuyết được trải nghiệm bằng thực tế. Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ: củng cố được các kiến thức được tiếp thu từ lí thuyết trong quá trình học tập. Từ đó, người học sẽ hình thành được các kiến thức nền tảng

trên cơ sở gắn kết kiến thức thực tế và những lí thuyết; thực hiện được các hoạt động học tập ngoài thực tế một cách chủ động. Có kĩ năng quan sát, tìm hiểu và nhận định theo đặc trưng của người học Địa lí; có thể tổ chức các hoạt động dạy, học thông qua thực tế, qua thực địa. Tăng cường khả năng giao lưu, trao đổi kiến thức thực tế với bạn, đồng nghiệp và những người khác về vấn đề thực tiễn; Định hướng nghiên cứu địa lí địa phương và đảm nhiệm việc giảng dạy môn Địa lí THCS và THPT.

42. THỰC ĐỊA ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI (3 tín chỉ)

Thực địa địa lí kinh tế - xã hội là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lí. Học phần đảm bảo cho việc dạy học "học đi đôi với hành", lí thuyết được trải nghiệm bằng thực tế. Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ: Củng cố được các kiến thức được tiếp thu từ lí thuyết trong quá trình học tập. Từ đó, người học sẽ hình thành được các kiến thức nền tảng trên cơ sở gắn kết kiến thức thực tế và những lí thuyết; thực hiện được các hoạt động học tập ngoài thực tế một cách chủ động. Có kĩ năng quan sát, tìm hiểu và nhận định theo đặc trưng của người học Địa lí; có thể tổ chức các hoạt động dạy, học thông qua thực tế, qua thực địa. Tăng cường khả năng giao lưu, trao đổi kiến thức thực tế với bạn, đồng nghiệp và những người khác về vấn đề thực tiễn; Định hướng nghiên cứu địa lí địa phương và đảm nhiệm việc giảng dạy môn Địa lí THCS và THPT.

43.1. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TOÀN CẦU (2 tín chỉ)

Biến đổi khí hậu toàn cầu là một học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lí. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về biến đổi khí hậu, dựa trên những khái niệm, biểu hiện và nguyên nhân gây biến đổi khí hậu; Phân tích được những tác động của biến đổi khí hậu đối với môi trường tự nhiên, đời sống kinh tế xã hội của con người và với lớp vỏ cảnh quan; Giải thích, thực hành và vận dụng được những kiến thức về biến đổi khí hậu để tìm hiểu trong thực tiễn. Định hướng nghiên cứu và đảm nhiệm việc giảng dạy phần biến đổi khí hậu thuộc môn Địa lí ở phổ thông và tích hợp với các bộ môn, các lĩnh vực khác.

43.2. ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu khái niệm, phương pháp nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn địa phương cũng như cách biên soạn, giảng dạy bài học địa phương ở trường phổ thông; những kiến thức cơ bản về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Hải Dương; các vấn đề về địa lí dân cư; kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ). Học xong học phần này sinh viên đánh giá được các tiềm năng, thế mạnh phát triển kinh tế của địa phương.

44.1. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp kiến thức lý luận về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lí: quan điểm, định hướng, nguyên tắc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; hướng dẫn người học sử dụng các ứng dụng, phương tiện công nghệ cho quá trình dạy học, từ khâu chuẩn bị bài dạy, triển khai và cải tiến bài dạy. Bên cạnh đó, người học được thực hành thiết kế và triển khai bài dạy cụ thể có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin.

44.2. HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÍ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về hệ thống thông tin địa lí (GIS), cách tổ chức một cơ sở dữ liệu địa lí, những cách tiếp cận đưa GIS vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn trong nhiều lĩnh vực giáo dục khác nhau. Học phần cũng giới thiệu về phần mềm Mapinfo 8.0: cách tổ chức các lớp bản đồ (layers bản đồ), biên tập bản đồ chuyên đề bằng Mapinfo, các ứng dụng gắn liền với ngành nghề đào tạo.

45.1. ĐỊA LÍ DU LỊCH VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu các phân hệ của hệ thống lãnh thổ du lịch bao gồm phân hệ khách hàng, phân hệ tài nguyên du lịch, phân hệ con người cung ứng dịch vụ du lịch, phân hệ cơ sở kỹ thuật và phân hệ điều hành du lịch. Địa lí du lịch còn cung cấp các kiến thức về hệ thống phân vùng, phân vị trong du lịch, thực trạng và tiềm năng của 7 vùng du lịch Việt Nam. Qua học phần này, sinh viên còn vận dụng được trong tổ chức dạy học Địa lí và trong tổ chức hoạt động giáo dục, trong nghiên cứu các lĩnh vực xax hội như du lịch, văn hóa,...

45.2. ĐỊA LÍ ĐÔNG NAM Á (2 tín chỉ)

Học phần Địa lí Đông Nam Á giúp cho sinh viên hiểu về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư và sự phát triển kinh tế của khu vực. Học phần bao gồm các nội dung chính sau: Chương 1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên: Học xong chương này cung cấp cho SV những hiểu biết về vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện tự nhiên của khu vực và một số vấn đề của khu vực như: vấn đề sông Mê Công, vấn đề dân số, vấn đề biển Đông; Chương 2. Dân cư, dân tộc và quá trình đô thị hóa: Nội dung chương này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm dân cư, dân tộc và quá trình đô thị hóa của khu vực Đông Nam Á; Chương 3. Sự phát triển kinh tế của khu vực Đông Nam Á: Nội dung của chương cung cấp kiến thức cơ bản về sự phát triển kinh tế của khu vực, các thế mạnh phát triển kinh tế của các quốc gia trong khu vực.

46. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản của người giáo viên để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường phổ thông; tổ chức thực hành kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, công tác chủ nhiệm lớp, kỹ năng tổ chức hướng dẫn thực hiện nghi thức Đội và các hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; trang bị cho người học các phương pháp tổ chức quá trình giáo dục học sinh, phương pháp giải quyết các tình huống xảy ra trong hoạt động giáo dục, gắn lý luận với thực tiễn... Thông qua đó góp phần giúp người học bồi dưỡng phẩm chất và thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên, nâng cao tay nghề để đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp và đổi mới giáo dục, hình thành định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

47. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 2 (2 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên tiếp cận chương trình môn Địa lí ở bậc trung học; thực hành các kỹ năng sư phạm cơ bản như: kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học; kỹ năng rèn kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học Địa lí; kỹ năng thiết kế các kế hoạch giáo dục: kế hoạch dạy học bộ môn, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy. Môn học đặc biệt chú trọng tới hoạt động tập giảng các bài học do sinh viên tự chọn hoặc giảng viên định hướng. Thông qua những bài giảng cụ thể, sinh viên cần phải xác định được hai mục tiêu cơ bản: về kiến thức cần đạt của từng bài, trọng tâm kiến thức trong từng phần, mối quan hệ giữa các đơn vị kiến thức trong bài; về kỹ năng thiết kế giáo án (giáo án điện tử, giáo án viết), quy trình các bước lên lớp, những hoạt động của giáo viên và học sinh phải làm trong từng bài cụ thể. Ngoài ra, môn học hướng dẫn sinh viên biết ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lí, thiết kế các bài dạy bằng giáo án điện tử Power Point, tìm tài liệu trên Internet. Đây là cơ sở giúp sinh viên biết vận dụng có hiệu quả vào việc dạy học môn Địa lí ở trường phổ thông.

48. THỰC TẬP SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần nhằm nhằm gắn lý thuyết với thực hành, lý luận với thực tiễn trong quá trình đào tạo giáo viên; củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng đã được học trong các lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy và giáo dục học sinh.

49. THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 (6 tín chỉ)

Học phần nhằm củng cố và nâng cao các kiến thức lý thuyết Tâm lý - Giáo dục, vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; thực hành và vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Địa lí, tiếp tục rèn luyện để hình thành năng lực và phẩm

chất của người giáo viên, theo yêu cầu của các chương trình khung đào tạo giáo viên trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

50A. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (7 tín chỉ)

Trong học kì cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kĩ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

50B.1. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐỊA LÍ TOÀN CẦU (2 tín chỉ)

Học phần khái quát chung về vấn đề toàn cầu hóa: khái niệm toàn cầu hóa, hội nhập và hội nhập kinh tế quốc tế; các hình thức hội nhập quốc tế, nội dung của hội nhập quốc tế; Các vấn đề toàn cầu hiện nay như: an ninh con người, an ninh lương thực, an ninh quốc tế, biến đổi khí hậu toàn cầu, bùng nổ dân số và già hóa dân số, cạn kiệt tài nguyên, các căn bệnh của nền văn minh, chất lượng cuộc sống và chất lượng môi trường, chiến lược thích nghi trong nông nghiệp và những tác động của chúng đến kinh tế - xã hội thế giới và Việt Nam. Ngoài ra người học còn được tìm hiểu xu hướng khoa học công nghệ hiện nay trên thế giới hiện nay cũng như những thách thức của nền kinh tế thế giới và những ảnh hưởng của nó đến nền kinh tế các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

50B.2. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÍ PHỔ THÔNG (3 tín chỉ)

Phát triển chương trình Địa lí phổ thông là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chương trình nhà trường và cách thức phát triển chương trình, cách phân tích, đánh giá và quản lí, tổ chức thực hiện chương trình nhà trường. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên kĩ năng phát triển, phân tích, đánh giá và quản lí, tổ chức thực hiện chương trình nhà trường. Ngoài ra, môn học tạo cơ hội cho sinh viên được thực hành thiết kế mục tiêu và nội dung chương trình môn Địa lí ở trường phổ thông. Môn học gắn bó mật thiết với các môn kiến thức nghiệp vụ sư phạm như: lí luận dạy học Địa lí, hệ thống phương pháp dạy học Địa lí.

50B.3. DẠY HỌC ĐỊA LÍ THEO HƯỚNG TÍCH HỢP (2 tín chỉ)

Dạy học tích hợp là xu thế được các quốc gia trên thế giới và Việt Nam triển khai thực hiện, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo. Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề lí luận về dạy học tích hợp liên môn trong giảng dạy môn Địa lí ở phổ thông; Khái quát các chủ đề có nội dung tích hợp về lịch sử và địa lí trong dạy học bộ môn; Vận dụng những kiến thức đã học lí luận về dạy học liên môn để lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp trong tổ

chức dạy học tích hợp của môn Địa lí. Từ đó sinh viên thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học tích hợp trong dạy học bộ môn.

6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

6.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy thực hiện chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí, trình độ đại học được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, trải nghiệm; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập, trải nghiệm đạt các chuẩn đầu ra được chia thành hai nhóm:

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động, gồm:

+ Phương pháp động não (Brainstorming) là phương pháp giúp sinh viên trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó, trong đó có nhiều ý tưởng sáng tạo. Thực hiện phương pháp này, giảng viên cần đưa ra một hệ thống các thông tin làm tiền đề cho buổi thảo luận.

+ Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think - pair - share): Phương pháp này được thực hiện bằng cách cho các sinh viên cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về một chủ đề, sau đó các sinh viên ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp.

+ Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) giúp sinh viên xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết.

+ Phương pháp hoạt động nhóm (Group based Learning) là chia lớp học thành từng nhóm nhỏ từ 5 đến 7 người. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của học phần, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Phương pháp hoạt động nhóm giúp các thành viên trong nhóm chia sẻ các băn khoăn, kinh nghiệm của bản thân, cùng nhau xây dựng nhận thức mới. Bằng cách nói ra những điều đang nghĩ, mỗi người có thể nhận rõ trình độ hiểu biết của mình về chủ đề nêu ra, thấy mình cần học hỏi thêm những gì.

+ Phương pháp đóng vai (Role playing) là phương pháp tổ chức cho sinh viên thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Phương pháp đóng vai có những ưu điểm: sinh viên được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn; gây hứng thú và

chú ý cho sinh viên; tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của sinh viên, kích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của sinh viên theo chuẩn mực hành vi đạo đức và chính trị - xã hội, có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm, gồm:

+ Học dựa vào dự án (Project based Learning) là tổ chức việc dạy và học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình.

+ Mô phỏng (Simulations) thường được dùng trong nghiên cứu khoa học, là quá trình phát triển mô hình hoá rồi mô phỏng một đối tượng cần nghiên cứu. Dựa trên những kết quả thu được sau quá trình mô phỏng, ta có thể rút ra hướng đi tiếp cho nghiên cứu và sản xuất về sau.

+ Nghiên cứu tình huống (Case studies) dựa trên các tình huống thực tế của cả học viên và giảng viên. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn cùng nguồn lực có hạn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lí. Sự đa dạng của các tình huống được đưa lên không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sáng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp.

+ Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning) là một phương pháp dạy và học mà thông qua đó người học áp dụng được những kiến thức học được trong lớp vào điều kiện thực tế, đồng thời kết quả của quá trình học đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và được cộng đồng sử dụng. Phương pháp này giúp người học có điều kiện tăng cường kiến thức học thuật, rèn luyện và phát triển các kĩ năng mềm như tư duy suy xét, phân biện (critical thinking), làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình và các kĩ năng sống.

6.2. Đánh giá kết quả đào tạo

- Đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương tại Quyết định số 471/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023 của Hiệu trưởng. Cụ thể:

+ Kết quả học tập học phần của sinh viên được đánh giá qua hai điểm thành phần là các điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần. Số bài đánh giá thường xuyên tương ứng với số tín chỉ của học phần:

Số tín chỉ	Số bài kiểm tra (đánh giá) thường xuyên
Từ 1 đến 2 tín chỉ	1 bài
Từ 3 đến 5 tín chỉ	2 bài
> 6 tín chỉ	3 bài

+ Hình thức đánh giá: Tự luận, vấn đáp thực hành, thực hành nộp điểm.

+ Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn số đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Trung bình điểm đánh giá thường xuyên	40%
2. Điểm thi kết thúc học phần	60%
3. Công thức tính điểm học phần Điểm học phần = (Trung bình điểm đánh giá thường xuyên x 4 + Điểm thi kết thúc học phần x 6)/10	

+ Thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần được quy định như sau:

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A+	9.5 - 10	4.0
A	8.5 - 9.4	4.0
B+	8.0 - 8.4	3.5
B	7.0 - 7.9	3.0
C+	6.5 - 6.9	2.5
C	5.5 - 6.4	2.0
D+	5.0 - 5.4	1.5
D	4.0 - 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

7. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình Sư phạm Địa lí, trình độ đại học gồm 18 Tiến sĩ, 32 Thạc sĩ. Trong đó có:

- 01 Tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;
- 06 Tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình;
- 11 Tiến sĩ và 32 Thạc sĩ thực hiện chương trình.

Đội ngũ giảng viên nói trên có số lượng đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho ngành đào tạo Sư phạm Địa lí, trình độ đại học.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ CÔNG NGHỆ

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Sư phạm Địa lí, trình độ đại học. Trong đó bao gồm:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 160;
- Thư viện, trung tâm học liệu: 04;
- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 15;
- Nhà kí túc xá 5 tầng: 04;
- Nhà dịch vụ: 01;
- Nhà ăn sinh viên: 02;
- Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng: 02;
- Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo: 02;
- Sân bóng chuyền: 02;
- Sân bóng rổ: 02.

Để đào tạo ngành Sư phạm Địa lí, trình độ đại học, nhà trường có thư viện, trung tâm học liệu với hàng trăm đầu sách, gồm các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo để sinh viên học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

KHOA ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG